

Số: 559/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 149, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và mục 2 phần B danh mục lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 551/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn N - sinh năm 1985; CCCD số: 030085013036.

- Chị Phạm Thị Thanh L - sinh năm 1989; CCCD số: 036189002993

Cùng nơi thường trú và chỗ ở hiện tại: Căn hộ C, HH4B L, phường H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Phạm Thị Thanh L kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 17/02/2014 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã H, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến đầu năm 2024 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mặc dù anh, chị đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Anh N, chị L xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng đề nghị Toà án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh N, chị L có 02 con chung là Nguyễn Phạm Gia H – sinh ngày 14/08/2017 và Nguyễn Phạm Gia L1 – sinh ngày 11/11/2015. Anh, chị thống nhất giao con Nguyễn Phạm Gia H và con Nguyễn Phạm Gia L1 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/02 tháng (mỗi con 5.000.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2026.

[3] Về tài sản chung: Anh N, chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh N, chị L không có các khoản nợ chung.

[5] Về lệ phí: Chị L tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2026 là

hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Phạm Thị Thanh L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh N, chị L có 02 con chung là Nguyễn Phạm Gia H – sinh ngày 14/08/2017 và Nguyễn Phạm Gia L1 – sinh ngày 11/11/2015. Anh, chị thống nhất giao con Nguyễn Phạm Gia H và con Nguyễn Phạm Gia L1 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/02 tháng (mỗi con 5.000.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2026 cho đến khi con đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh N, chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh N, chị L không có nợ chung.

2. Về lệ phí: Ghi nhận việc chị Phạm Thị Thanh L tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo biên lai số 0009212 ngày 15/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Chị L đã nộp đủ tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND KV3-HN;
- UBND xã Hà Tây, Tp Hải Phòng;
- Phòng THA dân sự KV 3 – Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Thắm

